TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2023
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý

2. Ông Võ Thành Trung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Kim Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- *Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Thanh H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp 1, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Chí Đ**, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã T1, huyện T, tỉnh Long An. Địa chỉ tạm trú: 120A/5 Khu phố 1, ấp H 2, phường A, thành phố D, tỉnh B.

Bà H và ông Đ vắng mặt. Bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Vũ Thị Thanh H: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị Thanh H trình bày:

Bà H và ông Bùi Chí Đ có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Long An ngày 30/7/2014. Bà H và ông Đ có một con chung tên Bùi Vĩnh Th, sinh ngày 11/4/2010. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà H không còn tình cảm gì với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Chí Đ.
- Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Bùi Vĩnh Th, sinh ngày 11/4/2010, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện con chung đang sống với bà H.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Bùi Chí Đ: Ông Đ đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Thị Thanh H và ông Bùi Chí Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T vào năm 2014 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông Đ có địa chỉ cư trú trên địa bàn thuộc huyện Thạnh Hoá, tỉnh

Long An và có đăng ký tạm trú tại phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Đ và bà H có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện T giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Bùi Chí Đ: Xét thấy, ông Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông Đ.

[3] Về hôn nhân giữa bà Vũ Thị Thanh H và ông Bùi Chí Đ:

Xét thấy, bà Vũ Thị Thanh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà H xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ là không thể hàn gắn được, hiện tại bà H không còn quan tâm đến cuộc sống của ông Đ và không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà H. Quá trình Tòa án giải quyết, ông Đ cũng không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà H về tình trạng mâu thuẫn giữa bà H với ông Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông Đ không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông Đ.

[4] Về con chung: Bà H xác định bà H và ông Đ có một con chung tên Bùi Vĩnh Th, sinh ngày 11/4/2010. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung hiện đang sống ổn định với bà H, cháu Thông có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông Đ vắng mặt và không có văn bản ý kiến nào phản bác đối với đề nghị của bà H về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà H. Bà H được quyền nuôi dưỡng con chung tên Bùi Vĩnh Th. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản và nợ: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết, ông Đ không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Thanh H đối với ông Bùi Chí Đ.

1. Về hôn nhân: Cho bà Vũ Thị Thanh H được ly hôn với ông Bùi Chí Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Vĩnh Th, sinh ngày 11/4/2010 cho bà H nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Con chung Bùi Vĩnh Th hiện đang sống với bà H).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009094 ngày 08 tháng 5 năm 2023 (theo thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 95/TB – TA ngày 28/04/2023) tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà H đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Bùi Chí Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thật

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Trung – Nguyễn Thị Thanh Vân **Nguyễn Thị Thật**